TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2005/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2005

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Để thi hành đúng và thống nhất Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS);

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

I. VỀ CHƯƠNG XXIII "TÍNH CHẤT CỦA XÉT XỬ PHÚC THẨM VÀ QUYỀN KHÁNG CÁO, KHÁNG NGHỊ" CỦA BLTTHS

1. Về Điều 231 của BLTTHS

Chủ thể có quyền kháng cáo và giới hạn của việc kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm được xác định như sau:

1.1. Bị cáo, người đại diện hợp pháp (đại diện theo pháp luật) của bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

1.2. Người bào chữa cho bị cáo là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích cho bị cáo.

1.3. Người bị hại, người đại diện hợp pháp (đại diện theo pháp luật) của người bị hại trong trường hợp người bị hại chết hoặc trong trường hợp người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo hoặc theo hướng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Trong trường hợp người bị hại chỉ kháng cáo phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, thì họ có thể ủy quyền cho người khác. Người được ủy quyền có các quyền và nghĩa vụ như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự.

1.4. Trong trường hợp người bị hại chết mà có từ hai người trở lên đều là người đại diện hợp pháp của người bị hại (ví dụ cha, mẹ, vợ và con thành niên của người bị hại) thì phân biệt như sau:

a) Trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố hoặc tại phiên tòa sơ thẩm những người này đã đồng ý cử một người trong số họ thay mặt họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của người bị hại (sự đồng ý này có thể được thể hiện trong văn bản riêng hoặc trong lời khai của họ), thì sau khi xét xử sơ thẩm những người này vẫn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Việc kháng cáo có thể do từng người thực hiện hoặc có thể cử một người trong số họ thay mặt họ thực hiện.

b) Trường hợp trong quá trình điều tra, truy tố hoặc tại phiên tòa sơ thẩm những người này chưa cử ai trong số họ thay mặt họ làm người đại diện hợp pháp của người bị hại, mà người đại diện hợp pháp của người bị hại chỉ do một hoặc một số người trong số họ tự nhận, nếu sau khi xét xử sơ thẩm có người trong số những người chưa cử người đại diện có đơn với nội dung khiếu nại bản án sơ thẩm hoặc xin xét xử phúc thẩm vụ án thì xử lý như sau:

b.1) Nếu nội dung đơn của họ phù hợp với nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng, thì Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung;

b.2) Nếu nội dung đơn của họ không phù hợp với nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng hoặc người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng không kháng cáo và trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị, thì khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hoặc quyết định sơ thẩm về phần có liên quan mà họ có khiếu nại hoặc xin xét xử phúc thẩm vụ án để điều tra lại hoặc xét xử sơ thẩm lại do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (chưa đưa họ vào tham gia tố tụng khi quyền, lợi ích của họ xung đột với quyền, lợi ích của người đại diện hợp pháp đã tham gia tố tụng);

b.3) Nếu trong vụ án không có ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, thì đơn của họ được coi là đơn khiếu nại đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Trong trường hợp này bản án hoặc quyết định sơ thẩm sẽ được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm.

1.5. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ (đại

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại.

1.6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của họ (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

1.7. Người bảo vệ quyền lợi của người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ.

1.8. Người được Tòa án tuyên bố là không có tội có quyền kháng cáo phần lý do của bản án sơ thẩm đã tuyên là họ không có tội.

Ví dụ: Nguyễn Văn A không thực hiện hành vi trái pháp luật, song Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định Nguyễn Văn A có thực hiện hành vi trái pháp luật, nhưng chưa đến mức cấu thành tội phạm (hoặc không cần truy cứu trách nhiệm hình sự). Trong trường hợp này Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần nhận định của bản án sơ thẩm cho đúng với sự thật khách quan của vụ án.

2. Về Điều 232 của BLTTHS

Theo quy định tại Điều 232 của BLTTHS thì Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Kháng nghị của Viện kiểm sát phải làm bằng văn bản, có nêu rõ lý do và được gửi đến Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án (khoản 2 Điều 233 của BLTTHS). Thời hạn kháng nghị đối với các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là bảy ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là mười lăm ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định (khoản 1 Điều 239 của BLTTHS). Khi nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm cần giải quyết như sau:

2.1. Trường hợp kháng nghị đối với quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án và kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2.2. Trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp kháng nghị quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, thì căn cứ vào khoản 2 Điều 316 của BLTTHS, việc kháng nghị và xét kháng nghị được tiến hành như đối với bản án sơ thẩm.

2.3. Trường hợp kháng nghị đối với các quyết định khác, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ vào quy định của BLTTHS và các văn bản pháp luật liên quan quy định về thẩm quyền và thủ tục kháng nghị, giải quyết kháng nghị cụ thể đó để giải quyết.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ví dụ: Viện kiểm sát cùng cấp căn cứ vào Điều 232 và Điều 239 của BLTTHS, khoản 6 Điều 27 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị Lệnh tạm giam của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Q đối với bị cáo Nguyễn Thị M với lý do bị cáo M đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 88 của BLTTHS. Trong trường hợp này sau khi nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Q phải xem xét lý do kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp có đúng hay không. Nếu đúng thì căn cứ vào Điều 177 của BLTTHS ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với bị cáo M, nếu không đúng thì có văn bản trả lời cho Viện kiểm sát biết về việc không chấp nhận kháng nghị, trong đó nêu rõ lý do của việc không chấp nhận kháng nghị.

3. Về Điều 233 của BLTTHS

3.1. Việc nhận kháng cáo và xử lý kháng cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm

a) Sau khi nhận được đơn kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm phải vào sổ nhận đơn và kiểm tra người làm đơn kháng cáo có thuộc chủ thể có quyền kháng cáo và nội dung kháng cáo có thuộc giới hạn của việc kháng cáo được quy định tại Điều 231 của BLTTHS và được hướng dẫn tại mục 1 Phần I của Nghị quyết này hay không, đồng thời kiểm tra kháng cáo có được làm trong thời hạn quy định tại Điều 234 của BLTTHS và được hướng dẫn tại mục 4 Phần I của Nghị quyết này hay không để tiến hành tiếp các công việc theo quy định của BLTTHS và hướng dẫn của Nghị quyết này.

b) Trong trường hợp người kháng cáo đến Tòa án cấp sơ thẩm trình bày trực tiếp về việc kháng cáo, thì Chánh án Tòa án cử một Thẩm phán hoặc một cán bộ Tòa án tiếp và giải quyết. Nếu người kháng cáo biết chữ và viết được thì hướng dẫn để họ tự viết đơn. Nếu họ muốn trình bày trực tiếp thì lập biên bản về việc kháng cáo đó theo đúng quy định tại Điều 95 của BLTTHS.

c) Trong trường hợp đơn kháng cáo bảo đảm đầy đủ các điều kiện theo quy định của BLTTHS và hướng dẫn của Nghị quyết này thì tiến hành thông báo về việc kháng cáo theo quy định tại Điều 236 của BLTTHS và hướng dẫn tại mục 6 Phần I của Nghị quyết này.

d) Trong trường hợp đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định và là của người có quyền kháng cáo nhưng nội dung kháng cáo chưa cụ thể, chưa rõ ràng, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo ngay cho họ để họ thể hiện nội dung kháng cáo cho cụ thể và rõ ràng theo quy định của pháp luật.

đ) Trong trường hợp đơn kháng cáo là của người không có quyền kháng cáo hoặc nội dung kháng cáo không thuộc giới hạn của việc kháng cáo thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, Tòa án cấp sơ thẩm trả lại đơn cho người làm đơn và ghi chú vào sổ nhận đơn về việc trả lại đơn. Việc trả

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

lại đơn phải được thông báo bằng văn bản trong đó ghi rõ lý do của việc trả lại đơn. Nếu trước đó việc kháng cáo này đã được thông báo theo quy định tại Điều 236 của BLTTHS và hướng dẫn tại mục 6 Phần I của Nghị quyết này thì thông báo trả lại đơn cũng phải được gửi cho những nơi đã có thông báo.

e) Trong trường hợp đơn kháng cáo là của người có quyền kháng cáo, nội dung kháng cáo thuộc giới hạn kháng cáo, nhưng quá thời hạn thì Tòa án cấp sơ thẩm lập hồ sơ kháng cáo quá hạn và gửi đơn kháng cáo cùng các giấy tờ, tài liệu kèm theo chứng minh lý do của việc kháng cáo quá thời hạn (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm để xét lý do kháng cáo quá hạn. Nếu trong vụ án chỉ có kháng cáo quá hạn, không có kháng cáo khác, không có kháng nghị thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa phải gửi hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm.

3.2. Việc nhận kháng cáo và xử lý kháng cáo tại Tòa án cấp phúc thẩm

a) Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm nhận được đơn kháng cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) thì Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành các công việc theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 này.

b) Trong trường hợp người kháng cáo đến Tòa án cấp phúc thẩm trình bày trực tiếp về việc kháng cáo, thì Tòa án cấp phúc thẩm giải thích cho họ biết là họ chỉ có quyền trình bày trực tiếp về việc kháng cáo với Tòa án cấp sơ thẩm.

4. Về Điều 234 của BLTTHS

4.1. Thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc thời hạn kháng cáo, kháng nghị

a) Thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng cáo, kháng nghị là ngày tiếp theo của ngày được xác định. Ngày được xác định là ngày Tòa án tuyên án hoặc ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc là ngày bản án, quyết định được giao hoặc được niêm yết trong trường hợp bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Ví dụ 1: Ngày 10/10/2005 Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có mặt bị cáo B và cùng ngày tuyên án đối với bị cáo B. Trong trường hợp này ngày được xác định là ngày 10/10/2005 và thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng cáo mười lăm ngày (đối với bị cáo B), thời hạn kháng nghị mười lăm ngày (đối với Viện kiểm sát cùng cấp), ba mươi ngày (đối với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp) là ngày 11/10/2005.

Ví dụ 2: Ngày 12/10/2005 Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án hình sự vắng mặt người bị hại là A và cùng ngày tuyên án. Ngày 20/10/2005 Tòa án mới giao bản án cho A hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi A cư trú. Trong trường hợp này ngày được xác định là ngày 20/10/2005 và thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng cáo mười lăm ngày (đối với A) là ngày 21/10/2005.

Trong trường hợp ngay trong ngày Tòa án tuyên án hoặc ra quyết định mà bị cáo,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

đương sự có mặt tại phiên tòa có đơn kháng cáo ngay, thì Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo theo thủ tục chung.

b) Thời điểm kết thúc thời hạn kháng cáo, kháng nghị là thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần (thứ bảy, chủ nhật) hoặc ngày nghỉ lễ, thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc đầu tiên tiếp theo ngày nghỉ đó. Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó.

Ví dụ 1: Trong ví dụ 1 nêu tại điểm a tiểu mục 4.1 mục 4 này, thời hạn kháng cáo mười lăm ngày được tính bắt đầu từ ngày 11/10/2005. Theo quy định tại Điều 96 của BLTTHS thì thời hạn kháng cáo mười lăm ngày (đối với bị cáo B) kết thúc vào lúc hai mươi tư giờ ngày 25/10/2005 (nếu không đúng vào ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ).

Ví dụ 2: Trong ví dụ 2 nêu tại điểm b tiểu mục 4.1 mục 4 này, thì thời hạn kháng cáo mười lăm ngày được tính bắt đầu từ ngày 21/10/2005. Theo quy định tại Điều 96 của BLTTHS thì thời hạn kháng cáo mười lăm ngày (đối với A) kết thúc vào lúc hai mươi tư giờ ngày 04/11/2005. Giả sử ngày 04/11/2005 đúng vào ngày nghỉ lễ thì thời hạn kháng cáo mười lăm ngày kết thúc vào lúc hai mươi tư giờ ngày 05/11/2005 (nếu không đúng vào ngày nghỉ cuối tuần); giả sử sau ngày nghỉ lễ (04/11/2005), ngày 05/11/2005 đúng vào ngày thứ bảy, thì thời hạn kháng cáo mười lăm ngày kết thúc vào lúc hai mươi tư giờ ngày 07/11/2005.

4.2. Xác định ngày kháng cáo

a) Trong trường hợp đơn kháng cáo gửi qua bưu điện thì ngày kháng cáo là ngày bưu điện nơi gửi đóng dấu ở phong bì; do đó, khi nhận đơn kháng cáo gửi qua bưu điện, Tòa án phải kiểm tra ngày đóng dấu trên phong bì và lưu phong bì cùng với đơn kháng cáo để xác định ngày kháng cáo.

b) Trong trường hợp đơn kháng cáo gửi qua Ban giám thị trại tạm giam, thì ngày kháng cáo là ngày ban giám thị trại tạm giam nhận được đơn. Nếu Ban giám thị trại tạm giam không ghi ngày nhận được đơn kháng cáo, thì Tòa án yêu cầu Ban giám thị trại tạm giam xác nhận ngày nhận đơn đó để xác định ngày kháng cáo.

c) Trong trường hợp người kháng cáo đến nộp đơn kháng cáo tại Tòa án hoặc trong trường hợp họ đến Tòa án cấp sơ thẩm trình bày trực tiếp về việc kháng cáo, thì ngày kháng cáo là ngày Tòa án nhận đơn hoặc là ngày Tòa án lập biên bản về việc kháng cáo.

5. Về Điều 235 của BLTTHS

5.1. Việc kháng cáo quá hạn có thể được chấp nhận, nếu có lý do chính đáng. "Lý do chính đáng" là những trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác mà người kháng cáo không thể

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thực hiện được việc kháng cáo trong thời hạn luật định, ví dụ: do thiên tai, lũ lụt; do ốm đau, tai nạn phải nằm viện điều trị...

5.2. Việc xét lý do kháng cáo quá hạn phải được thực hiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm không phụ thuộc vào việc ngoài bị cáo, đương sự kháng cáo quá hạn, trong vụ án còn có kháng cáo của các bị cáo hoặc đương sự khác trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 234 của BLTTHS; do đó, khi nhận được hồ sơ vụ án có nhiều người kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm phải kiểm tra có kháng cáo nào quá hạn hay không. Nếu có thì phải xét lý do kháng cáo quá hạn trước khi mở phiên tòa.

5.3. Tòa án cấp phúc thẩm phải thành lập Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán để xét lý do kháng cáo quá hạn trên cơ sở giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo đơn kháng cáo. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng xét xử có quyền triệu tập người kháng cáo quá hạn đến phiên họp trình bày bổ sung về lý do kháng cáo quá hạn hoặc yêu cầu họ cung cấp giấy tờ, tài liệu bổ sung chứng minh cho việc kháng cáo quá hạn của mình là có lý do chính đáng.

Phiên họp xét lý do kháng cáo quá hạn không bắt buộc phải có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp. Trước khi Hội đồng xét xử thảo luận, một thành viên của Hội đồng xét xử nêu tóm tắt nội dung đơn kháng cáo quá hạn, các giấy tờ, tài liệu chứng minh lý do của việc kháng cáo quá hạn. Nếu người kháng cáo quá hạn được triệu tập đến phiên họp thì Hội đồng xét xử yêu cầu trình bày bổ sung lý do kháng cáo quá hạn. Trong trường hợp có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia thì đại diện Viện kiểm sát cùng cấp phát biểu ý kiến chấp nhận hoặc không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn phải được gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm và người kháng cáo quá hạn. Trong trường hợp nhận được quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn của Tòa án cấp phúc thẩm, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo theo quy định tại Điều 236 của BLTTHS và hướng dẫn tại mục 6 Phần I của Nghị quyết này.

5.4. Trong trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn mà hồ sơ vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, thì Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung đối với kháng cáo quá hạn đó. Nếu hồ sơ vụ án đang ở Tòa án cấp sơ thẩm, thì sau khi nhận được quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn của Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi ngay hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm.

5.5. Trong trường hợp ngay trước khi mở phiên tòa mà Tòa án cấp phúc thẩm mới nhận được kháng cáo quá hạn, thì trước khi khai mạc phiên tòa, Hội đồng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

xét xử phúc thẩm phải mở phiên họp xét lý do kháng cáo quá hạn.

Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo quá hạn hoặc chấp nhận kháng cáo quá hạn, nhưng toàn bộ nội dung kháng cáo đó có liên quan đến các kháng cáo khác hoặc kháng nghị thì Hội đồng xét xử tiến hành khai mạc phiên tòa và xét xử vụ án theo thủ tục chung. Nếu một phần hoặc toàn bộ nội dung kháng cáo đó là độc lập không liên quan đến kháng cáo khác hoặc kháng nghị, mà những người tham gia phiên tòa có yêu cầu hoãn phiên tòa hoặc người có liên quan đến phần kháng cáo độc lập đó chưa được thông báo, chưa được triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm, thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

5.6. Thẩm phán Tòa án cấp phúc thẩm đã tham gia Hội đồng xét xử xét lý do kháng cáo quá hạn vẫn có thể tham gia Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

6. Về Điều 236 của BLTTHS

6.1. Khi thực hiện thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp sơ thẩm không phải thông báo về việc kháng cáo cho chính người đã kháng cáo và cũng không phải thông báo về việc kháng nghị cho Viện kiểm sát đã kháng nghị. Đối với những người tham gia tố tụng khác thì Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho họ, nếu việc xét xử phúc thẩm vụ án do có kháng cáo, kháng nghị có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

6.2. Trong trường hợp người được thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị gửi văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm, thì văn bản đó phải được lưu vào hồ sơ vụ án. Trường hợp người được thông báo gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm mà hồ sơ vụ án chưa gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm, thì Tòa án cấp sơ thẩm gửi cùng hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm; nếu hồ sơ vụ án đã gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi văn bản đó cho Tòa án cấp phúc thẩm để đưa vào hồ sơ vụ án.

6.3. Trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm mà đã gửi kháng nghị cho bị cáo và đương sự có liên quan đến kháng nghị, thì Tòa án cấp sơ thẩm không phải thông báo cho họ. Nếu Viện kiểm sát gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm các bản kháng nghị để gửi cho bị cáo và đương sự có liên quan đến kháng nghị, thì Tòa án cấp sơ thẩm gửi kháng nghị đó cho họ thay cho việc thông báo. Nếu Viện kiểm sát chỉ gửi kháng nghị cho Tòa án cấp sơ thẩm, thì Tòa án cấp sơ thẩm thông báo việc kháng nghị cho bị cáo và đương sự bằng văn bản.

7. Về Điều 238 của BLTTHS

7.1. Về việc bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị cần phân biệt như sau:

a) Trong trường hợp vẫn còn thời hạn kháng cáo, kháng nghị quy định tại Điều 234 của BLTTHS, thì người kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

bổ sung, thay đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị đối với phần hoặc toàn bộ bản án mà mình có quyền kháng cáo, kháng nghị theo hướng có lợi hoặc không có lợi cho bị cáo.

Trong trường hợp người kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo, kháng nghị nhưng sau đó có kháng cáo, kháng nghị lại mà vẫn còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị, thì vẫn được chấp nhận để xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

b) Trong trường hợp đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 234 của BLTTHS, thì trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền bổ sung, thay đổi nội dung kháng cáo, kháng nghị, nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

7.2. Về việc rút kháng cáo, kháng nghị

a) Trong trường hợp người kháng cáo và Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa (trong vụ án không còn có kháng cáo và kháng nghị), thì việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ. Trước khi mở phiên tòa việc ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm do Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa thực hiện, còn tại phiên tòa do Hội đồng xét xử thực hiện. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

b) Trong trường hợp người kháng cáo rút một phần trong kháng cáo của mình hoặc có nhiều người kháng cáo, nhưng có người rút kháng cáo, có người không rút kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị trong kháng nghị của mình, thì cần phân biệt như sau:

b.1) Trường hợp rút trước khi mở phiên tòa, thì việc rút kháng cáo, kháng nghị đó phải được làm thành văn bản. Trường hợp người kháng cáo trực tiếp đến Tòa án rút kháng cáo, thì Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu người kháng cáo phải làm thành văn bản hoặc phải lập biên bản về việc rút kháng cáo theo quy định tại Điều 95 của BLTTHS. Văn bản rút kháng cáo, kháng nghị và biên bản về việc rút kháng cáo phải được lưu vào hồ sơ vụ án. Phần kháng cáo, kháng nghị đã bị rút được coi như không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm thông báo bằng văn bản về việc rút kháng cáo, kháng nghị đó theo quy định tại khoản 1* Điều 236 của BLTTHS và hướng dẫn tại tiểu mục 6.1 mục 6 Phần I của Nghị quyết này, đồng thời tiến hành các công việc do BLTTHS quy định để mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án đối với phần kháng cáo, kháng nghị còn lại theo thủ tục chung.

b.2) Trường hợp rút tại phiên tòa, thì việc rút kháng cáo, kháng nghị đó phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung đối với phần kháng cáo, kháng nghị còn lại.

b.3) Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phúc thẩm có quyền xem xét đối với các phần có kháng cáo, kháng nghị đã bị rút mà không có liên quan đến phần kháng cáo, kháng nghị còn lại theo quy định tại Điều 241 và khoản 2 Điều 249 của BLTTHS. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét các phần có kháng cáo, kháng nghị đã bị rút, thì những phần của bản án hoặc quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. VỀ CHƯƠNG XXIV "THỦ TỤC XÉT XỬ PHÚC THẨM" CỦA BLTTHS

1. Về Điều 242 của BLTTHS

Tòa án cấp phúc thẩm không phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mà chậm nhất là mười lăm ngày trước ngày mở phiên tòa phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người tham gia tố tụng về thời gian, địa điểm xét xử phúc thẩm vụ án. Việc thông báo được thực hiện như sau:

1.1. Đối với Viện kiểm sát, Tòa án cấp phúc thẩm có công văn gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, trong đó ghi cụ thể vụ án (hoặc các vụ án) được đưa ra xét xử phúc thẩm; thời gian, địa điểm xét xử phúc thẩm từng vụ án cụ thể. Trong trường hợp có nhiều vụ án thì có thể lập lịch xét xử cụ thể đối với các vụ án và gửi lịch xét xử này kèm theo công văn cho Viện kiểm sát.

1.2. Đối với những người tham gia tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ phải thông báo cho người tham gia tố tụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 245 của BLTTHS. Việc thông báo được thực hiện bằng giấy triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án cấp phúc thẩm.

2. Về Điều 243 của BLTTHS

2.1. Việc Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được thực hiện tương tự như các hướng dẫn tương ứng về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "Xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003 và mục 9 Phần I Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 02/10/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất "Những quy định chung" của BLTTHS năm 2003.

2.2. Điều luật quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay sau khi tuyên án đối với bị cáo không bị tạm giam, nhưng bị xử phạt tù, trừ trường hợp quy định tại Điều 261 của BLTTHS. Để bảo đảm quyết định bắt và tạm giam được thi hành ngay và đúng pháp luật thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ ra quyết định bắt và tạm giam bị cáo nếu trong khi nghiên cứu hồ sơ vụ án để chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như qua diễn biến xét xử tại

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phiên tòa, nếu thấy có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có căn cứ để xử phạt tù bị cáo;

b) Bị cáo không thuộc trường hợp có thể cho hưởng án treo;

c) Bị cáo không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 261 của BLTTHS và Điều 61 của Bộ luật Hình sự.

Khi xét thấy có đầy đủ các điều kiện trên đây Tòa án cấp phúc thẩm cần có ngay công văn trao đổi trước với cơ quan Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử vụ án để cơ quan Công an chuẩn bị người và phương tiện cần thiết cho việc bắt tạm giam người bị kết án khi có quyết định bắt và tạm giam của Tòa án cấp phúc thẩm. Công văn này phải được đóng dấu "MẬT" và bảo quản theo chế độ "MẬT".

3. Về Điều 245 của BLTTHS

3.1. Người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa. Được coi là đã được triệu tập tham gia phiên tòa, nếu giấy triệu tập phiên tòa được giao trực tiếp cho họ hoặc đã được gửi đến đúng địa chỉ mà họ đã khai báo với cơ quan tiến hành tố tụng khi cần thông báo, triệu tập họ. Nếu có một trong những người này chưa được triệu tập tham gia phiên tòa thì phải hoãn phiên tòa.

3.2. Người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa mà vắng mặt tại phiên tòa thì cần phân biệt như sau:

a) Trường hợp người vắng mặt không có lý do chính đáng là người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, thì Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung đối với kháng cáo, kháng nghị, trừ trường hợp quy định tại đoạn 2 Điều 190 của BLTTHS.

b) Trường hợp người vắng mặt không có lý do chính đáng là bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị, thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có thể xét xử vụ án vắng mặt họ trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 187 của BLTTHS.

c) Trường hợp người vắng mặt không có lý do chính đáng là người có quyền lợi liên quan đến kháng cáo, kháng nghị hoặc người kháng cáo không phải là bị cáo, thì Tòa án cấp phúc thẩm coi như họ từ bỏ kháng cáo, từ bỏ quyền lợi liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp này cũng như trong trường hợp người có nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị vắng mặt không có lý do chính đáng thì Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Nếu khi xét xử phúc thẩm vụ án Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần có kháng cáo, kháng nghị đã từ bỏ mà không có liên quan đến phần kháng cáo, kháng nghị còn lại, thì những phần

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

đó của bản án hoặc quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

d) Trường hợp người vắng mặt có lý do chính đáng là người bào chữa thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, trừ trường hợp quy định tại đoạn 2 Điều 190 của BLTTHS; nếu là người khác thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể vẫn tiến hành xét xử vụ án, nhưng không được ra bản án hoặc quyết định không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng. Để bảo vệ kháng cáo, kháng nghị có căn cứ, đúng pháp luật theo hướng không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng, thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có thể tiến hành xét xử vụ án, nếu qua kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án cho thấy với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên trong trường hợp qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, nhưng tại phiên tòa xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, thì Tòa án cấp phúc thẩm phải hoãn phiên tòa.

Ví dụ 1: Bị cáo A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, còn người bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo A. Tại phiên tòa người bị hại có mặt, nhưng bị cáo A vắng mặt có lý do chính đáng, thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn có thể tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án hoặc quyết định không có lợi cho bị cáo A so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm, nếu qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Ví dụ 2: Bị cáo B kháng cáo xin giảm mức bồi thường, còn nguyên đơn dân sự kháng cáo tăng mức bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo B có mặt, nhưng nguyên đơn dân sự vắng mặt có lý do chính đáng, thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn có thể tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án hoặc quyết định không có lợi cho nguyên đơn dân sự so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm, nếu qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự.

3.3. Bản án hoặc quyết định phúc thẩm được coi là không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với bị cáo, nếu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt; chuyển khung hình phạt nặng hơn; áp dụng điều khoản của Bộ luật Hình sự về tội nặng hơn; không cho hưởng án treo đối với bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo; tăng mức bồi thường thiệt hại; áp dụng thêm hình phạt bổ sung; áp dụng thêm biện pháp tư pháp so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm;

b) Đối với các đương sự, nếu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng ngược lại kháng cáo của họ hoặc giảm quyền lợi

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

hoặc tăng nghĩa vụ đối với họ so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

3.4. Không được coi là bản án hoặc quyết định phúc thẩm không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm và quyết định về án phí phúc thẩm;

b) Tòa án cấp phúc thẩm sửa lỗi chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai.

Ví dụ 1: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong bản án là thiệt hại về tài sản có hai khoản trị giá 115 triệu đồng và 126 triệu đồng, nhưng trong phần quyết định tuyên buộc bồi thường thiệt hại về tài sản là 231 triệu đồng. Trong trường hợp này, nếu Tòa án cấp sơ thẩm chưa có đính chính thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền sửa lại là 241 triệu đồng mà không coi là không có lợi cho người phải bồi thường thiệt hại.

Ví dụ 2: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bồi thường thiệt hại, nhưng tính toán án phí dân sự sơ thẩm sai. Trong trường hợp này, nếu Tòa án cấp sơ thẩm chưa có đính chính thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền tính toán án phí dân sự sơ thẩm cho đúng mà không coi là không có lợi cho người phải chịu án phí.

3.5. Sau khi khai mạc phiên tòa và sau khi nghe Thư ký Tòa án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người được triệu tập, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các điều 245, 247 và 199 của BLTTHS thảo luận và thông qua tại phòng xử án quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án hoặc hoãn phiên tòa. Trong trường hợp quyết định hoãn phiên tòa thì không phải lập thành văn bản, nhưng phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

4. Về Điều 247 của BLTTHS

4.1. Phiên tòa phúc thẩm cũng tiến hành như phiên tòa sơ thẩm; do đó, trong trường hợp Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của BLTTHS không có quy định khác, thì khi tiến hành phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải thực hiện đúng các quy định tương ứng về phiên tòa sơ thẩm tại Chương XVIII, XIX, XX, XXI và XXII của BLTTHS và hướng dẫn tại các phần II, III, IV Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "Xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003.

4.2. Khi bắt đầu phiên tòa, thay cho việc đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa. Lời khai mạc của chủ tọa phiên tòa phải có nội dung như sau:

"Hôm nay, ngày... tháng... năm..., Tòa... (tên Tòa án cấp phúc thẩm) mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo... (nếu có một hoặc hai bị cáo thì nói đầy đủ họ, tên của bị cáo; nếu có

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

từ ba bị cáo trở lên, thì nói họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ "và các bị cáo khác") bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội (các tội)..., do có kháng cáo, kháng nghị của... (chỉ cần nói theo địa vị tố tụng của người tham gia tố tụng, như "bị cáo", "người bị hại"...; tên của Viện kiểm sát kháng nghị). Thay mặt Hội đồng xét xử phúc thẩm tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa".

4.3. Trước khi bắt đầu xét hỏi thay cho việc đọc bản cáo trạng, một thành viên của Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo, kháng nghị.

5. Về Điều 252 của BLTTHS

Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm chỉ hủy bản án sơ thẩm về phần quyết định dân sự để điều tra lại hoặc xét xử lại thì việc điều tra lại hoặc xét xử lại được tiến hành theo thủ tục tố tụng hình sự. Nếu cần xác minh, thu thập thêm chứng cứ để giải quyết được đúng đắn khi xét xử sơ thẩm lại thì việc tiến hành các việc đó được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm về phần quyết định dân sự để giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, thì việc thụ lý, giải quyết vụ án dân sự khác đó khi có yêu cầu được tiến hành theo thủ tục tố tụng dân sự.

II. VIỆC GỬI HỒ SƠ VỤ ÁN CHO VIỆN KIỂM SÁT CÙNG CẤP VỚI TÒA ÁN CẤP PHÚC THẨM

1. BLTTHS không quy định việc Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Tuy nhiên để tạo điều kiện cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa phúc thẩm, thì Tòa án cấp phúc thẩm cần chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Ngay sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm cần kiểm tra tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị và xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Khi chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, Tòa án cấp phúc thẩm cần yêu cầu Viện kiểm sát cùng cấp chuyển cho Tòa án cấp phúc thẩm chứng cứ mà Viện kiểm sát mới thu thập được và danh sách những người cần triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm (nếu có).

3. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương nghiên cứu hồ sơ vụ án trong thời hạn là mười ngày;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự trung ương yêu cầu Viện phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương nghiên cứu hồ sơ vụ án trong thời hạn là hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án. Trong trường hợp cần gia hạn thêm thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án, thì Viện kiểm sát phải thông báo cho Tòa án biết, nhưng thời hạn gia hạn thêm tối đa không quá năm ngày. Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu Viện kiểm sát cùng cấp chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm chậm nhất là khi hết thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án.

IV. CÁC MẪU VĂN BẢN TỐ TỤNG

Ban hành kèm theo Nghị quyết này các mẫu văn bản tố tụng sau đây:

1. Biên bản về việc kháng cáo (Mẫu số 01a dùng cho Tòa án cấp sơ thẩm);

2. Quyết định giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) vụ án (Mẫu số 01b dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm);

3. Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn (Mẫu số 01c dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm xét lý do kháng cáo quá hạn);

4. Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn (Mẫu số 01d dùng cho Hội đồng xét xử xét lý do kháng cáo quá hạn);

5. Thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị (Mẫu số 01đ dùng cho Tòa án cấp sơ thẩm);

6. Thông báo về việc rút kháng cáo (kháng nghị) (Mẫu số 01e dùng cho Tòa án cấp phúc thẩm);

7. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (Mẫu số 02a dùng cho Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa);

8. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (Mẫu số 02b dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm);

9. Biên bản nghị án (Mẫu số 02c dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm);

10. Biên bản phiên tòa hình sự phúc thẩm (Mẫu số 02d);

11. Bản án hình sự phúc thẩm (Mẫu số 02đ).

V. HIỆU LỰC THI HÀNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2005 và có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Hiện

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 01a: Dùng cho Tòa án cấp sơ thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN
Về việc kháng cáo

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... vào hồi..... giờ..... phút.

Tại trụ sở Tòa án..... tiến hành lập biên bản về việc kháng cáo đối với bản án (quyết định) hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án.....

Đại diện của Tòa án..... lập biên bản kháng cáo: Ông (Bà).....

chức vụ.....

Người kháng cáo:(1).....

.....

Nội dung kháng cáo:(2)

.....

.....

.....

Biên bản lập xong hồi..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm..... và đã được đọc lại để người kháng cáo nghe và cùng nhất trí ký tên.

Người kháng cáo	**Người lập biên bản kháng cáo**	**TÒA ÁN.....**(3)
(Ký tên)	*(Ký tên)*	.....
		(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- (Ghi tên người kháng cáo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01a:

(1) Ghi họ tên và địa vị pháp lý trong tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: "Người kháng cáo: Nguyễn Văn A là bị cáo trong vụ án"; "Người kháng cáo: ông Trần Đình C là người bị hại trong vụ án").

(2) Ghi cụ thể nội dung kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm mà người kháng cáo yêu cầu, nhưng phải trong giới hạn quyền kháng cáo của họ.

(3) Ghi tên Tòa án đã xét xử sơ thẩm; nếu Chánh án ký thì ghi Chánh án; nếu Phó Chánh án ký thì ghi Phó Chánh án; nếu Thẩm phán được Chánh án phân công thì ghi Thẩm phán.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 01b: Dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....

Số:...../...../HSPT-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) vụ án[1]

TÒA.....

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà).....

Các Thẩm phán: Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

NHẬN THẤY:

Tại quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) vụ án ngày..... tháng..... năm....., Tòa án..... căn cứ vào..... của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) vụ án hình sự đối với .....

Tại đơn kháng cáo (quyết định kháng nghị số.....) ngày..... tháng..... năm.....

.....

[2].....

với lý do[3].....

XÉT THẤY:[4]

.....

Căn cứ vào Điều 248 và Điều 253 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09683775

QUYẾT ĐỊNH:

1. [5].....

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- (Ghi những nơi mà Tòa án phải giao hoặc gửi theo quy định tại Điều 254 của BLTTHS);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01b:

(1) Nếu chỉ có kháng cáo bỏ hai chữ "kháng nghị"; nếu chỉ có kháng nghị bỏ hai chữ "kháng cáo"; nếu là quyết định tạm đình chỉ bỏ hai chữ "đình chỉ"; nếu là quyết định đình chỉ bỏ ba chữ "tạm đình chỉ". Ví dụ: nếu quyết định tạm đình chỉ vụ án của Tòa án sơ thẩm bị kháng cáo thì ghi "Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ vụ án".

(2) Ghi địa vị pháp lý trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị; nội dung kháng cáo, kháng nghị (ví dụ: Bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo xin được hưởng án treo; người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Trần B kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Lê Văn C).

(3) Ghi lý do của việc kháng cáo, kháng nghị (ví dụ: hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình).

(4) Nêu phần nhận định, phân tích của Hội đồng xét xử về các lý do của kháng cáo, kháng nghị, những căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

(5) Ghi quyết định của Hội đồng xét xử theo một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 248 của BLTTHS.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 01c: Dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm xét lý do kháng cáo quá hạn
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../HSPT-QĐ

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Chấp nhận việc kháng cáo quá hạn

TÒA.....
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà).....
Các Thẩm phán: Ông (Bà).....
Ông (Bà).....

NHẬN THẤY:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày..... tháng..... năm.....
(1).....
có đơn kháng cáo với nội dung(2) .....

XÉT THẤY:

Việc kháng cáo của..... là quá thời hạn quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Việc kháng cáo quá hạn là do(3) .....

Theo hướng dẫn tại mục 5 Phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự, thì lý do kháng cáo quá hạn trong trường hợp này là chính đáng.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của .....

Đối với bản án (quyết định) hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm ..... của Tòa án .....

2. Phần của bản án (quyết định) hình sự sơ thẩm bị kháng cáo chưa có hiệu lực pháp luật và vụ án được xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

Nơi nhận:
- (Ghi tên Tòa án đã xử sơ thẩm và người kháng cáo quá hạn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01c:

(1) Ghi địa vị pháp lý trong tố tụng và họ tên người kháng cáo.

(2) Ghi cụ thể nội dung kháng cáo.

(3) Ghi lý do kháng cáo quá hạn mà người kháng cáo đã trình bày.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0968377

Mẫu số 01d: Dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm xét lý do kháng cáo quá hạn
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....

Số:...../...../HSPT-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn

TÒA.....
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà).....
Các Thẩm phán: Ông (Bà).....
Ông (Bà).....

NHẬN THẤY:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày..... tháng..... năm.....
(1).....
có đơn kháng cáo với nội dung(2) .....

XÉT THẤY:

Việc kháng cáo của..... là quá thời hạn quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Việc kháng cáo quá hạn là do(3) .....

Theo hướng dẫn tại mục 5 Phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự, thì lý do kháng cáo quá hạn trong trường hợp này là không chính đáng.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của .....

Đối với bản án (quyết định) hình sự sơ thẩm số..... ngày.... tháng.... năm..... của Tòa án .....

Nơi nhận:
- (Ghi tên Tòa án đã xử sơ thẩm và người kháng cáo quá hạn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01d:

(1) Ghi địa vị pháp lý trong tố tụng và họ tên người kháng cáo.

(2) Ghi cụ thể nội dung kháng cáo.

(3) Ghi lý do kháng cáo quá hạn mà người kháng cáo đã trình bày.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09683775

Mẫu số 01đ: Dùng cho Tòa án cấp sơ thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc kháng cáo, kháng nghị[1]

TÒA ÁN.....

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Thông báo cho:[2].....

Được biết bản án (quyết định) hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án..... đã bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

a)[3] .....

b).....

2. Người được thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị có quyền gửi văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm.

Nơi nhận:
- (Ghi những nơi mà Tòa án phải thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 236 của BLTTHS);
- Lưu hồ sơ vụ án.

.....[4]
.....

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09683775

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01đ:

(1) Nếu chỉ có kháng cáo bỏ hai chữ "kháng nghị"; nếu chỉ có kháng nghị bỏ hai chữ "kháng cáo".

(2) Ghi họ tên và địa vị pháp lý trong tố tụng của người được thông báo (ví dụ: Thông báo cho: Nguyễn Văn A là bị cáo trong vụ án; ông Trần N là người bị hại trong vụ án).

(3) Ghi địa vị pháp lý trong tố tụng và họ tên người kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị; nội dung kháng cáo, kháng nghị (ví dụ: Bị cáo Nguyễn Trần kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại).

(4) Ghi chức vụ hoặc chức danh và họ tên người ký.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09683775

Mẫu số 01e: Dùng cho Tòa án cấp phúc thẩm
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc rút kháng cáo (kháng nghị)(1)

TÒA.....

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Thông báo cho:(2)..... được biết như sau:

Ngày..... tháng..... năm....., ...
có đơn kháng cáo (văn bản kháng nghị số.....) với nội dung.....

Ngày..... tháng..... năm....., người kháng cáo (Viện kiểm sát kháng nghị) đã có văn bản về việc rút kháng cáo (kháng nghị).

.....(4)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01e:

(1) Nếu chỉ rút kháng cáo bỏ hai chữ "kháng nghị"; nếu chỉ rút kháng nghị bỏ hai chữ "kháng cáo".

(2) Ghi họ tên và địa vị pháp lý trong tố tụng của người được thông báo.

(3) Ghi ngày, tháng, năm có đơn kháng cáo (văn bản kháng nghị) và họ tên, địa vị pháp lý trong tố tụng của người kháng cáo (Viện kiểm sát kháng nghị); nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(4) Ghi chức vụ hoặc chức danh và họ tên người ký.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 02a: Dùng cho Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....

Số:...../...../HSPT-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm

TÒA.....

NHẬN THẤY:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án..... bị kháng cáo, kháng nghị như sau:[1]

a. Ngày..... tháng..... năm.....,[2].....

Và ngày..... tháng..... năm....., đã có văn bản rút.....

b. .....

XÉT THẤY:

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, người (những người) kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị.[3]

Căn cứ vào Điều 39 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo[4]..... phạm tội (các tội).....

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09683775

2. Bản án hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án..... có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- (Ghi những nơi mà Tòa án phải giao hoặc gửi theo quy định tại Điều 254 của BLTTHS);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02a:

(1) Nếu chỉ có kháng cáo bỏ hai chữ "kháng nghị"; nếu chỉ có kháng nghị bỏ hai chữ "kháng cáo".

(2) Ghi địa vị pháp lý trong tố tụng và họ tên người kháng cáo; nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi tên của Viện kiểm sát kháng nghị và số kháng nghị; nội dung kháng nghị.

(3) Nếu có một người kháng cáo bỏ hai chữ "những người"; nếu chỉ có kháng cáo bỏ "Viện kiểm sát kháng nghị" và "kháng nghị"; nếu chỉ có kháng nghị bỏ "người (những người) kháng cáo" và "kháng cáo".

(4) Nếu có một hoặc hai bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị và người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ, tên của bị cáo; nếu có từ ba bị cáo trở lên có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị và người kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì ghi họ tên của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ "và các bị cáo khác".

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 02b: Dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....

Số:...../...../HSPT-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Đình chỉ xét xử phúc thẩm

TÒA.....
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:[1]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà).....
Các Thẩm phán: Ông (Bà).....
Ông (Bà).....

NHẬN THẤY:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án..... bị kháng cáo, kháng nghị như sau:[2]

a. Ngày..... tháng..... năm.....,[3].....

b. .....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người (những người) kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị.[4]

Căn cứ vào khoản 2 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo[5].....
phạm tội (các tội).....

2. Bản án hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án..... có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- (Ghi những nơi mà Tòa án phải giao hoặc gửi theo quy định tại Điều 254 của BLTTHS);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02b:

(1) Nếu Hội đồng xét xử có thêm hai Hội thẩm thì ghi đầy đủ họ tên, nghề nghiệp và nơi công tác của họ.

(2) Nếu chỉ có kháng cáo bỏ hai chữ "kháng nghị"; nếu chỉ có kháng nghị bỏ hai chữ "kháng cáo".

(3) Ghi địa vị pháp lý trong tố tụng và họ tên người kháng cáo; nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi tên của Viện kiểm sát kháng nghị và số kháng nghị; nội dung kháng nghị.

(4) Nếu có một người kháng cáo bỏ hai chữ "những người"; nếu chỉ có kháng cáo bỏ "Viện kiểm sát kháng nghị" và "kháng nghị"; nếu chỉ có kháng nghị bỏ "người (những người) kháng cáo" và "kháng cáo".

(5) Nếu có một hoặc hai bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị và người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ, tên của bị cáo; nếu có từ ba bị cáo trở lên có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị và người kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị thì ghi họ tên của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ "và các bị cáo khác".

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09683775

Mẫu số 02c: Dùng cho Hội đồng xét xử phúc thẩm
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., *ngày..... tháng..... năm.....*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA.....
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:[1]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....
Các Thẩm phán: Ông (Bà).....
Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 199, 222, 247 và khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm....., tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án.....

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:[2]

.....

.....

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02c:

(1) Nếu Hội đồng xét xử có thêm hai Hội thẩm thì ghi đầy đủ họ tên, nghề nghiệp và nơi công tác của họ.

(2) Trong trường hợp chỉ có quyết định quy định tại một trong các điểm a, c hoặc d khoản 2 Điều 248 của BLTTHS thì chỉ cần ghi quy định tại điểm tương ứng đó và kết quả biểu quyết (ví dụ: không chấp nhận kháng cáo (kháng nghị) và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3; không đồng ý: không). Trong trường hợp có hai hoặc ba quyết định quy định tại các điểm a, c và d khoản 2 Điều 248 của BLTTHS thì ghi quy định từng điểm tương ứng đó và kết quả biểu quyết về từng điểm. Trong trường hợp quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 của BLTTHS thì cần ghi cụ thể những quyết định sửa bản án sơ thẩm theo cách ghi được hướng dẫn tại các mục (3), (4), (5) và (6) bản hướng dẫn sử dụng mẫu số 05d ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09683775

Mẫu số 02d: Biên bản phiên tòa hình sự phúc thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN PHIÊN TÒA HÌNH SỰ PHÚC THẨM

Vào hồi..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm .....

Tại:[1] .....

Tòa .....

Mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với (các) bị cáo [2] .....

Do có kháng cáo của[3] .....

kháng nghị của..... .....

Đối với bản án hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm .....

của Tòa án .....

Vụ án được xét xử công khai (kín).[4]

I. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Các Thẩm phán: Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Các Hội thẩm..... (nếu có):[5] .....

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông (Bà) .....

cán bộ Tòa án .....

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà) .....Kiểm sát viên.

II. Những người tham gia tố tụng:

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị: (không ghi bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Bị cáo..... sinh ngày..... tháng..... năm..... tại .....
thường trú tại.....; tạm trú tại.....;
nghề nghiệp.....; trình độ văn hóa.....; con ông.....
và bà..... ; có vợ (chồng)..... và..... con; tiền sự.....;
tiền án[6].....; bị bắt tạm giam ngày..... tháng..... năm.....

2.....

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa:

1.....

.....

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:[7]

Ông (Bà)..... sinh năm (hoặc tuổi).....; trú tại.....
nghề nghiệp..... là:[8] .....

Người bào chữa cho bị cáo:[9]

Ông (Bà) .....

Người bị hại:[10] .....

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:[11].....

Nguyên đơn dân sự:[12] .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:[13] .....

Bị đơn dân sự:[14].....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:[15] .....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị:[16] .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[17].....

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự, ...)[18]

Ông (Bà) .....

Người làm chứng:[19] .....

Người giám định:[20].....

Người phiên dịch:[21] .....

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09683775

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN TÒA:

- Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa.

- Thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người tham gia tố tụng được triệu tập đến phiên tòa.

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng; giải thích quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa; yêu cầu người phiên dịch, người giám định phải cam đoan làm tròn nhiệm vụ và yêu cầu người làm chứng là người thành niên phải cam đoan không khai gian dối.

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu những người tiến hành tố tụng và hỏi Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm (nếu có), Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người phiên dịch hay không.(22)

- Một thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo, kháng nghị.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát có kháng nghị xem có ai bổ sung, thay đổi hoặc rút kháng cáo, kháng nghị hay không.(23)

- Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng; bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mới hay không.(24)

PHẦN THỦ TỤC XÉT HỎI TẠI PHIÊN TÒA:

(Phần này ghi việc xét hỏi tại phiên tòa theo phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 241 của Bộ luật Tố tụng hình sự).

.....

.....

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA:

(Phần này ghi tóm tắt các ý kiến phát biểu tranh luận và đối đáp. Sau đó ghi lời nói sau cùng của bị cáo).

.....

.....

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.(25)

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng:(26)

.....

.....

Phiên tòa kết thúc vào hồi..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm .....

THƯ KÝ TÒA ÁN GHI BIÊN BẢN PHIÊN TÒA	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Chữ ký	*Chữ ký*
Họ và tên	Họ và tên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02d:

(1) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên tòa (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ "và các bị cáo khác".

(3) Chỉ cần ghi địa vị pháp lý trong tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(4) Nếu xét xử công khai bỏ chữ "kín"; nếu xét xử kín bỏ hai chữ "công khai".

(5) Nếu Hội đồng xét xử có thêm hai Hội thẩm thì ghi đầy đủ họ tên, nghề nghiệp và nơi công tác của họ.

(6) đến (21) Ghi tương tự theo hướng dẫn cách ghi các mục từ mục (8) đến mục (24) của bản hướng dẫn sử dụng mẫu Biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

(22), (23) và (24) Sau từng mục ghi việc trả lời của những người được hỏi. Nếu có người đề nghị hoặc yêu cầu, thì ghi đề nghị hoặc yêu cầu của họ và ghi quyết định giải quyết của Hội đồng xét xử.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(25) Nếu sau khi nghị án Hội đồng xét xử tuyên án thì tiếp đó ghi: "Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án gốc đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án" (không phải ghi phần quyết định của bản án); nếu Hội đồng xét xử có quyết định khác thì ghi quyết định của Hội đồng xét xử (ví dụ: Hội đồng xét xử quyết định tạm đình chỉ vụ án; Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc xét hỏi và tranh luận).

(26) Ghi tương tự thec hướng dẫn tại tiểu mục 4.2 mục 4 Phần II của Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "Xét xử sơ thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Ghi chú: Nếu phiên tòa diễn ra trong nhiều ngày thì kết thúc mỗi ngày cần ghi: "Hội đồng xét xử tạm nghỉ" và khi tiếp tục phiên tòa cần ghi: "Ngày..... tháng..... năm....., Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa".

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 02đ: Bản án hình sự phúc thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../...../HSPT
Ngày.....-.....-.....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA.....
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....
Các Thẩm phán: Ông (Bà).....
Ông (Bà).....
Các Hội thẩm..... (nếu có):[1] .....
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông (Bà) .....
cán bộ Tòa án .....
Đại diện Viện kiểm sát ..... *tham gia phiên tòa:*
Ông (Bà) ..... Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm..... tại .....
xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số...../...../HSPT ngày..... tháng.....
năm..... đối với (các) bị cáo:[3].....
do có kháng cáo của:[4] .....
và kháng nghị của:.....
đối với bản án hình sự sơ thẩm số...../...../HSST ngày..... tháng..... năm.....
của Tòa án .....

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị:[5]

1..... sinh ngày..... tháng..... năm..... tại .....
thường trú tại.....; tạm trú tại.....;
nghề nghiệp.....; trình độ văn hóa.....; con ông.....

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

và bà..... ; có vợ (chồng) và.....con; tiền sự.....; tiền án.....;
bị bắt tạm giam ngày..... tháng..... năm .....

2. .....

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:[6]

.....

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:[7]

Ông (Bà)..... sinh năm (hoặc tuổi).....; trú tại.....;
nghề nghiệp..... là:[8] .....

Người bào chữa cho bị cáo:[9]

Ông (Bà) .....

Người bị hại:[10] .....

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:[11].....

Nguyên đơn dân sự:[12] .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:[13] .....

Bị đơn dân sự:[14].....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:[15] .....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[16].....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[17] .....

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...)[18]

Ông (Bà) .....

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát..... và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án..... thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: *(ghi tóm tắt nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét).*

Tại bản án hình sự sơ thẩm số..... ngày..... tháng..... năm.....,
Tòa án..... đã quyết định:[19]

.....

.....

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ngày..... tháng..... năm....., ... có đơn kháng cáo với nội dung.....[20]

Ngày..... tháng..... năm....., Viện kiểm sát..... có kháng nghị số.....

với nội dung.....[21]

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa (nếu có) và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:[22]

.....

.....

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm (các điểm)..... khoản 2 Điều 248 và Điều (các điều).....[23] của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:[24]

.....

.....

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02đ:

(1) Nếu Hội đồng xét xử có thêm hai Hội thẩm thì ghi đầy đủ họ tên, nghề nghiệp và nơi công tác của họ.

(2) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày, thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 25 tháng 5 năm 2005...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 03, 04 và 05 tháng 7...); nếu số ngày nhiều liền nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 03 đến ngày 07 tháng 7 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 30-7 đến ngày 04-8 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: trong các ngày 29, 30, 31 tháng 7 và các ngày 03, 04 tháng 8 năm...).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09083775

(3) Nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và thêm các chữ "và các bị cáo khác".

(4) Chỉ cần ghi địa vị pháp lý trong tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(5) Không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(6) Nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi: "Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị". Trong trường hợp chỉ có một bị cáo thì ghi: "Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị".

(7) đến (18) Chỉ ghi những người có kháng cáo, có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị hoặc bào chữa cho bị cáo. Cách ghi được thực hiện tương tự theo hướng dẫn tại các mục từ mục (9) đến mục (24) của bản hướng dẫn sử dụng mẫu Bản án hình sự sơ thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

(19) Ghi đầy đủ, cụ thể các quyết định của bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét. Đối với các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, thì ghi như sau: "Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo khác từ... đến... và (ghi tóm tắt các quyết định như buộc bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo...)".

(20) và (21) Ghi nội dung kháng cáo, kháng nghị (kể cả nội dung sửa đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị). Nếu tại phiên tòa có người rút kháng cáo, Viện kiểm sát rút kháng nghị thì tiếp đó ghi việc rút kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa.

(22) Trong phần này ghi sự phân tích và đánh giá của Hội đồng xét xử bao gồm:

- Phân tích và đánh giá những vấn đề đã được tranh tụng tại phiên tòa;

- Đánh giá các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc tuy không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét;

- Những chứng cứ chứng minh cho việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị;

- Hướng quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(23) Ghi điểm (các điểm) quy định tại khoản 2 Điều 248 và Điều (các điều) tương ứng (249, 250, 251, 252) của BLTTHS mà Hội đồng xét xử căn cứ để ra quyết định.

(24) Tùy từng trường hợp cụ thể mà cách ghi như sau:

a. Trường hợp thuộc điểm a khoản 2 Điều 248 của BLTTHS

1. Không chấp nhận kháng cáo của...(kháng nghị của...) và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự (nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...).

- Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt; ghi mức hình phạt bằng số và bằng chữ trong ngoặc đơn; ví dụ: 03 (ba) năm). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo được hưởng án treo thì cần giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Trong trường hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tử hình thì ghi: "tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án".

- Việc bồi thường thiệt hại: (Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (tương ứng) của Bộ luật dân sự buộc...);

- Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần ghi theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS;

2. Về án phí: .....

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về..... không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

b. Trường hợp thuộc điểm b khoản 2 Điều 248 của BLTTHS

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự (nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...).

- Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo được hưởng án treo thì cần giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Trong trường hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tử hình thì ghi: "tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án".

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Việc bồi thường thiệt hại: (Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (tương ứng) của Bộ luật dân sự buộc...);

- Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS;

2. Về án phí: .....

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về..... không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

c. Trường hợp thuộc điểm c khoản 2 Điều 248 của BLTTHS

Hủy bản án sơ thẩm số... ngày... tháng... năm... của Tòa án..... Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát..... (Tòa án.....) để điều tra lại (xét xử sơ thẩm lại) theo thủ tục chung.

d. Trường hợp thuộc điểm d khoản 2 Điều 248 của BLTTHS

Hủy bản án sơ thẩm số... ngày... tháng... năm... của Tòa án..... và đình chỉ vụ án đối với .....

đ. Trường hợp thuộc từ hai điểm trở lên quy định tại khoản 2 Điều 248 của BLTTHS

Trong trường hợp này ghi quyết định về từng trường hợp một theo hướng dẫn cách ghi từng trường hợp tương ứng được hướng dẫn tại các điểm a, b và c trên đây.

Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử; nếu là bản án chính thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao bản án theo quy định tại Điều 254 của BLTTHS và những nơi cần lưu bản án chính)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ký tên và đóng dấu của Tòa án
(Họ và tên)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182
Fax: 08044517
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng **Giá: 10.000 đồng**